

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 517/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N** - Sinh năm 1982; Địa chỉ: Lô 141 Hoàng Thị Loan, tổ 08, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Song H1** - Sinh năm 1974; Địa chỉ: Lô 141 Hoàng Thị Loan, tổ 08, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Song H1 xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng không hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng lâm vào tình trạng bế tắc, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng tôi tuy sống chung một nhà nhưng ly thân từ năm 2018. Năm 2018 tôi cũng đã làm đơn ra Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xin ly hôn ông Hùng nhưng sau đó rút đơn. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông Hùng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Nguyễn Song H1 có 01 con chung Nguyễn Huy T - Sinh ngày 13/4/2015. Ly hôn, tôi xin được nuôi con chung Nguyễn Huy T, không yêu cầu ông Nguyễn Song H1 cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huy T.

- Về tài sản chung: Tôi và ông Nguyễn Song H1 không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Song H1 không có nợ chung, không ai nợ chung tôi và ông Nguyễn Song H1.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Song H1 chỉ 01 lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/3/2021 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Trần Thị N xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi không có mâu thuẫn gì lớn. Nay bà Nhị xin ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Trần Thị N có 01 con chung Nguyễn Huy T - Sinh ngày 13/4/2015. Tôi không đồng ý để bà Nhị trực tiếp nuôi con mà tôi sẽ là người trực tiếp nuôi, không yêu cầu bà Nhị cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có, không ai nợ chung vợ chồng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 đăng ký kết hôn ngày 30/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 153 ngày 30/11/2012, quyển số

I/2012), hôn nhân tự nguyện. Qua xác minh thì trong quá trình chung sống, bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2017 đến nay, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Trần Thị N xác nhận bà và ông Nguyễn Song H1 có 01 con chung Nguyễn Huy T - Sinh ngày 13/4/2015.

Qua xác minh thì hiện nay bà Trần Thị N có công việc, thu nhập ổn định và chỉ làm việc trong giờ hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N cung cấp các hợp đồng lao động và bảng lương thể hiện mức thu nhập ổn định hàng tháng trên 10.000.000 đồng. Mặt khác, cháu Nguyễn Huy T còn nhỏ (06 tuổi) nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Song H1 không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung, cũng như không chứng minh được điều kiện nuôi con. Do đó có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc nuôi con, giao con chung Nguyễn Huy T - Sinh ngày 13/4/2015 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở, phù hợp với Điều 71 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Nguyễn Song H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huy T do bà Trần Thị N không yêu cầu. Trong trường hợp bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 có tranh chấp và khởi kiện về việc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung (tại thời điểm cháu Nguyễn Huy T chưa đủ 18 tuổi) thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 xác nhận không có nợ chung, không ai nợ chung bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

[3.1] Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004892 ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của bà Trần Thị N đối với ông Nguyễn Song H1.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị N được ly hôn ông Nguyễn Song H1.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung của bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 là cháu Nguyễn Huy T - Sinh ngày 13/4/2015 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Song H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Huy T.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 xác nhận không có không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Song H1 xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0004892 ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
- UBND P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
(Giấy chứng nhận kết hôn số 153 ngày 30/11/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương